

知識天地

簡介越南搖籃歌謠(Lời Ru)

馮涵棣研究員(民族學研究所)、楊玉鶯(Dương Ngọc Oanh)研究助理(民族學研究所)

Mẹ ru cái lẽ ở đời	母親哄唱著人生的道理
Sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn	奶水養育我的身體，搖籃曲滋潤我的靈魂
Bà ru mẹ; mẹ ru con	外婆哄唱媽媽，媽媽哄唱著我
Liệu mai sau các con còn nhớ chăng	孩子啊，日後你是否依然記得

~ 越南詩人阮維(Nguyễn Duy, 作於1986)

自九零年代中旬迄今，約有近十萬名越南女性因為婚姻而移住臺灣。她們多來自南越九龍江平原(亦即湄公河三角洲)之農村聚落，且多為京族(而非華裔)，來臺之前不諳漢語、不曉漢文化。當我們一味地要求這些外籍配偶學習我們的語言、適應我們的文化、以我們的方式教導「新臺灣之子」之際，甚少有意願或有機會去學習對方的語言、瞭解對方的文化、體會她們兒時的成長歷程。本文藉由淺介搖籃歌謠來一窺越南文化與幼兒教育的豐富與優美。如同前述的阮維詩作，不論生活有多困頓艱苦，幾乎所有的越南孩子(包括在臺的越裔女性)皆在母親乳水與歌聲的撫慰中成長茁壯。雖然因應經濟發展、都市化等諸多因素所帶來的生活形態轉變，搖籃歌謠已漸式微，以往的人聲清唱也多被商業化的錄音所取代，然而搖籃歌謠依然是越南人的集體記憶，也是故鄉與母愛的象徵，其淵遠流長的文化意義深植於每一位越南人的心中(裴仲獻Bùi Trọng Hiên, 2008)。

根據音樂辭典(The Grove Dictionary of Music and Musicians)簡短的描述，搖籃歌謠(lời ru, 或稱hát ru、ru con)在越南民俗音樂中自成一格，是一種與童謠(đồng dao)或船歌(điều hò)有所區隔的樂種。在曲調上，音域不寬，常為五聲音階(pentatonic scale)，唱腔纏綿婉轉、尾音拖曳。歌詞則多為六八詩體，並不時發出附和吊床(或搖籃、身體)擺動頻率的擬聲詞(onomatopiea)。由於各地發音不盡相同，因此該擬聲詞在南部為「àu σ」，中部及北部則是「a oi」或「à oi」。六八(lục bát)與雙七六八(song thất lục bát)是越南自創的獨特詩體。六八詩體的始句六個字，次句八個字，接著仍是依循六字、八字的固定規律，詩行長短不定。其押韻方式為將第一句的第六個字，押韻於第二句的第六個字，第二句的第八個字，押韻於第三句的第六個字，依此類推。不同於中國，詩在越南平易近人、深入民間與農村，而搖籃歌謠是越南人在童蒙意識中對詩的初體驗(鄭克孟, 2007)。誰來吟唱搖籃歌謠？唱些什麼、如何選歌？這些曲調與詩詞內容是否全都一成不變？倘若這是嬰兒時期的經驗，為何許多成年人彷彿對曲調與歌詞依然記憶猶新？透過怎樣的教導方式讓搖籃歌謠代代傳唱？聽者既是懵懂無知的嬰兒，詩詞對他們的意義何在？對吟唱者的意義又何在？

在越南湄公河畔的熱帶季風型氣候裡，終年炎熱，只分旱(十一月至四月)、雨(五月至十月)兩季。眾人最愛或坐或臥於吊床(chiếc võng)上納涼或小憩，而吊床也是照養幼兒不可或缺的工具。照養者與嬰孩齊躺在吊床上，一面哺乳、一面哄孩子入睡。要不就是忙碌不歇地工作著，但不時空出一隻手輕搖著吊床。悠揚的歌聲由屋簷下的吊床穿透茅草屋，也灑洩在鄉間小路上。孩子逐漸闔眼，甚至連家中的牲畜也在歌聲中一同沈沈入睡。嬰幼兒照護主要是女性的責任範疇，因此「搖籃曲優先保留給女性」(潘黃蔦Phan Huỳnh Điểu, 2005, p. 448)。鄉間親戚鄰里互動頻繁，女性之間多彼此協助、共同分擔照養責任。共同照養者可由學齡女童至老嫗，橫跨三、四代。除了孩子的母親，還有具血親或姻親關係的祖母、外婆、姨婆、姑婆、姑孀、舅母、阿姨、姊姊、表堂姐等，不具親屬關係的左鄰右舍與(有錢人家聘請的)褓母也可能分擔。詩人黎江(Lê Giang, 2005)如是形容：「成長過程中，就算沒有父母，但在幼兒時期能聽到搖籃歌謠者，並不算是孤兒」(p. 490)。搖籃歌謠雖不能取代母親，但它象徵母愛，共同照養者為孩子吟唱搖籃曲，象徵她們付出了等同於母愛的關愛。

排行老大的孩子由出生至一、兩歲時，可以獨享照養者與搖籃歌謠，但當弟妹相繼出世後，就必須與他人分享。倘若弟妹眾多或年歲差距大，聆聽歌謠的時間就可能多且久。當女孩四、五歲大時，逐漸開始模仿大人，吟

唱簡單的兒歌給弟妹聽；當九、十歲左右，父母會越來越倚重她協助分擔家務。因此在成長過程中，不時有機會聆聽、觀看自家或鄰家長輩對年幼孩子之照養與吟唱，而且也不斷地由揣摩、見習到實際參與照護弟妹、侄甥之責。在這樣層層交織的人際脈絡裡、在重複累積的實作經驗中，雖然沒人真正教導、也無須等到為人父母時，搖籃歌謠的曲調與歌詞早已嵌進腦海，而許多生活化的做人處事道理也藉由吟唱的口傳方式世代相傳。

名古筝教師范翠歡(Phạm Thúy Hoan, 2004)在孟蘭節時追憶童年。她是四個孩子中的老大，因此有許多機會聆聽母親吟唱搖籃曲。對於女兒，母親會唱：

Con gái chưa nói đã cười	女孩未說先笑
Chưa đi đã chạy là người vô duyên	未走先跑，是沒規矩的人
Ngậm cơm mà nói huyền thuyên	嘴裡含著飯卻說個不停
Lời nghe không sạch, lại hiềm khó coi	聽不清楚，又被嫌難看

三個弟弟好動也好鬥，母親常對他們唱手足應當相愛的歌謠：

Khôn ngoan đá đáp người ngoài	聰明的人跟外人對答
Gà cùng một mẹ chó hoài đá nhau	同一個母親的小雞別相互辯鬥

也教他們要愛護家園：

Nhiều điều phủ lấy giá gương	紅綢布覆蓋著鏡子
Người trong một nước phải thương nhau cùng	同一國家的人要相互疼愛

要善待幫助家裡生計的牲畜與器具：

Cảm ơn cái cối cái chày	感謝阿臼阿杵
Đêm khuya giã gạo có mày có tao	夜裡搗米有你有我
Cảm ơn cái cọc cầu ao	感謝池畔木橋的樁子
Đêm khuya vo gạo có tao có mày	夜裡洗米有我有你

當范翠歡五、六歲時，母親才剛對弟弟唱了下面這兩句歌謠，就必須去廚房查看正在火上滾沸的湯水：

Bồng bồng mà nấu canh khoai	蹦蹦煮著芋頭湯
Ăn vào mát ruột đến mai lại bồng	吃了肚子舒服明日再來煮

她立刻取代母親在吊床旁邊接著唱：

Bồng bồng mà nấu canh tôm	蹦蹦煮著蝦子湯
Ăn vào mát ruột đến hôm lại bồng	吃了肚子舒服晚上再來煮

她心血來潮，又接著自創了兩句：

Bồng bồng mà nấu canh cua	蹦蹦煮著螃蟹湯
Ăn vào mát ruột đến trưa lại bồng.	吃了肚子舒服中午再來煮

母親聽到驚訝地問：「這兩句從哪學來的啊？」「喔，我看媽媽正在煮螃蟹湯，好香，所以我就這樣唱啊。」母親開心地將她擁入懷裡。從這段溫馨的回憶中，我們可以見到吟唱者不但會因應情境與需求選擇想唱的歌謠，而且歌詞可以很即興。

雖說搖籃曲主要目的是為了哄幼兒入眠、對聽歌的孩子傳述生活經驗與做人道理，然而它也常是吟唱者表達心思、抒發情感的媒介，預期的聽者可能是在場或不在場的他人、更可能是唱者自己。由於意圖與對象含蓄隱諱，可用 nói bóng nói gió(說影說風)來形容。因此情竇初開的少女在哄睡弟妹、侄甥時，常會選唱癡情情歌，悄悄吐露對愛情的渴望、戀愛中的歡愉、或紓解失戀時的痛苦：

Em thương anh trầu hết lá hương	愛你我用盡香蕁葉
Cau hết nửa vườn cha mẹ nào hay	和半個園子的檳榔
Ví dầu cha mẹ có hay	假若父母知情

Nhất đánh nhì đày hai lẽ mà thôi	只會被打或被罵
Gươm vàng để đó anh ơi	金劍就放在那兒，哥哥啊
Chết thời em chịu chứ lia đôi em không lia	我寧死也不願與你分離

而在婆家嘗盡苦頭、思念家鄉與娘家父母的媳婦則會辛酸唱道：

Má ơi! Đừng gả con xa	母親啊，別把我嫁去遠方
Chim kêu, vượn hú biết nhà má đâu	鳥啼猿鳴，媽媽的家在哪裡
Nhà má ở bên đám dâu	媽媽的家在桑葢樹叢旁
Ở sau đám đậu đầu cầu ngô qua	在豆子田後方，我從橋頭眺望

作家阮翠愛(Nguyễn Thúy Ái, 2005)回憶兒時，祖母與母親輪番唱歌哄她入睡，直到她滿四、五歲。由於父親是軍人、很少在家，因此母親選唱的歌謠不似祖母，幾乎總帶有望君早歸之抑鬱心聲。她有位長相欠佳的堂姐，堂姐夫很嫌棄妻子，經常在外遊蕩不歸。獨守空門的堂姐雖沒有美貌，但通曉搖籃歌謠。當時阮翠愛年僅九、十歲，但日後每每想起，那令人陶醉的哀怨歌聲依然繚繞於耳：

Ra đi mẹ có dặn dò	出門前母親叮嚀
Sông sâu đừng lội, đò đầy đừng qua	河深別渡，船滿勿上
Sông sâu không lội thì trưa	河深不渡時日將晚
Đò đầy không xuống ai đưa một mình	船滿不上誰來相伴

研究越南民歌的學者秀玉(Tú Ngọc, 2005)說道：「其實幼兒並不完全是演唱者的真正對象。。。演唱者也是主要領會人。[搖籃曲]讓演唱者自我體現、並排解自己的情感與心事」(p. 456)。阮翠愛(2005)看法雷同：「[唱搖籃曲]像一種自我解脫、為自己而唱，也是和他人交流，意將心中的憂鬱解開，讓心靈昇華。。。女性不只是哄孩子、哄人生的需求，她們那柔軟若絲綢般的心靈，也有被哄的需求」(p. 483)。透過吟唱搖籃歌謠，她們敘說自己的故事、尋求自我療癒。雖然幼兒懵懂，母親何嘗不渴望當孩子成長懂事之後，在絲絲縷縷的回憶中，能像詩人阮維一般益發體悟母親的心境與情意：

Cái cò... sung chát đào chua	鸕兒...澀味的無花果、酸味的桃子
Câu ca mẹ hát gió đưa về trời	母親唱的歌，隨風飄回天上
Ta đi trọn kiếp con người	我走盡人的一生
Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru	亦未走完母親搖籃曲的意境
Nhìn về quê mẹ xa xăm	望向遙遠的家鄉
Lòng ta-chỗ ướt mẹ nằm đêm mưa	我心惦記著下雨的夜晚，母親躺在雨淋濕的地方 (註：屋子漏水，將乾的地方留給孩子睡)
Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa	思念兒時的母親
Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương	嘴裡嚼著飯，舌頭挑出魚骨(註：將飯嚼碎、魚骨挑出再餵給孩子吃)

~ 阮維(作於1986)

引用文獻：

1. 鄭克孟(2007)。〈越南喃字詩體寓言傳初探〉，*成大中文學報*，第十七期，頁187-196。
2. Bùi Trọng Hiến (2008). *Hát ru con. Heritage*, No. 93 (pp.35-39). Hanoi, Vietnam: Vietnam Airlines.
3. Lê Giang (2005). *Hát ru-Bài hát đầu tiên cho đời một con người* (搖籃曲：人生第一首歌曲). In Lư Nhất Vũ & Lê Giang (Eds.), *Hát Ru Việt Nam* (pp. 488-492). Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bản Trẻ.
4. Nguyễn Thúy Ái (2005). *Đời sống tâm linh của phụ nữ trong hát ru* (搖籃曲中女性的心靈生活). In Lư Nhất Vũ & Lê

- Giang (Eds.), *Hát Ru Việt Nam* (pp. 481-483). Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bản Trẻ.
5. Phạm Thúy Hoan (2004). Thương sao câu hát à ơi (心繫搖籃曲). Retrieved from: http://www.tienhatquehuong.net/cauhataoi_Ru.htm
6. Phan Huỳnh Điểu (2005). Tản mạn hát ru (搖籃曲隨談). In Lư Nhật Vũ & Lê Giang (Eds.), *Hát Ru Việt Nam* (pp. 446-448). Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bả